SỐ MÁY MÓC THIẾT BỊ CHỦ YẾU CỦA CÁC ĐƠN VỊ NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN PHÂN THEO LOẠI HÌNH VÀ NGÀNH

168

Chiếc

	Máy kéo lớn (từ 35 CV trở lên)	Máy kéo trung (trên 12 CV đến dưới 35 CV)	Máy kéo nhỏ (từ 12 CV trở xuống)	Tàu vận tải hàng hóa	Tàu thuyền vận tải hành khách	Tàu thuyền dịch vụ thủy sản có động cơ	Động cơ điện	Động cơ chạy xăng, dầu, diezen	Ô tô: Tổng số	Ô tô: Tr.đó: Vận tải hành khách và hàng hóa	Máy phát điện	Máy gieo sạ	Máy gặt đập liên hợp	Máy gặt khác (gặt xếp hàng, cầm tay…)	Máy tuốt lúa có động cơ	Lò, máy sấy sản phẩm nông, lâm, thủy sản	Máy chế biến lương thực	Máy chế biến thức ăn gia súc	Máy chế biến thức ăn thủy sản	Máy bơm nước dùng cho sản xuất NLTS	Bình phun thuốc trừ sâu có động cơ
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
Tổng số	**264**	**800**	**345**	**2**	**1**	**47**	**461**	**898**	**334**	**270**	**177**	**8**	**124**	**25**	**180**	**25**	**170**	**30**	**15**	**17.07**	**5.387**
- Doanh nghiệp	2						9	9	10	6	37					6	6			172	
- Hợp tác xã	3	1						6			2		3							16	
- Hộ	259	799	345	2	1	47	452	883	324	264	138	8	121	25	180	19	164	30	15	16.88	5.387
+ Trang trại	15	7	1					33	18	8	33	1	2		1		1	3		373	19
Đơn vị nông nghiệp	**264**	**790**	**345**		**1**	**2**	**376**	457	300	246	35	8	124	25	180	23	167	26	8	15.7	5.353
- Doanh nghiệp	2								4	1	1					6	6			7	
- Hợp tác xã	3	1						6			2		3							16	
- Hộ	259	789	345		1	2	376	451	296	245	32	8	121	25	180	17	161	26	8	15.67	5.353
+ Trang trại	15	5	1					1	9	7	11		2		1		1	3		72	10
Đơn vị lâm nghiệp		**1**					**2**	2	3	3										6	
- Doanh nghiệp																					
- Hợp tác xã																					
- Hộ		1					2	2	3	3										6	
+ Trang trại																					
Đơn vị thủy sản		**9**		**2**		**45**	**83**	439	31	21	142					2	3	4	7	1.365	34
- Doanh nghiệp							9	9	6	5	36									165	
- Hợp tác xã																					
- Hộ		9		2		45	74	430	25	16	106					2	3	4	7	1.2	34
+ Trang trại		2						32	9	1	22	1								301	9